

# STATUS OF CERVICAL CANCER VACCINATION AMONG FEMALE HIGH SCHOOL STUDENTS AT CHU VAN AN PRIMARY, LOWER SECONDARY, AND UPPER SECONDARY SCHOOL, TO HIEU WARD, SON LA PROVINCE IN 2025 AND ASSOCIATED FACTORS

Le Hoai Thu\*, Nguyen Quynh Trang, Tran Duy Quang, Nguyen Viet Quang, Truong Thi Thuy Duong

<sup>1</sup>Thai Nguyen university of Medicine and Pharmacy -  
284 Luong Ngoc Quyen St, Phan Dinh Phung Ward, Thai Nguyen Province, Vietnam

Received: 05/12/2025

Revised: 18/12/2025; Accepted: 24/02/2026

## ABSTRACT

**Objective:** Describe the current status of cervical cancer vaccination among female high school students at Chu Van An Primary, Secondary and High School in 2025 and some related factors.

**Research method:** A cross-sectional descriptive study design was conducted on 108 female students from grades 10-12 at Chu Van An Primary, Secondary and High School in 2025, collected through a prepared questionnaire.

**Results:** The rate of cervical cancer vaccination was 36.1%; of which the rate of full vaccination was 25.9%. The most common reason for vaccination was to prevent the disease (76.9%). The reason for not being vaccinated was fear of post-vaccination reactions (34.8%) and family economic conditions (30.4%). 23.2% did not know about the vaccine. In the future, 87% of the subjects were willing to get vaccinated. There is a correlation between the factor of having parents who are health workers and the status of cervical cancer vaccination ( $p < 0.05$ ).

**Conclusion:** The rate of cervical cancer vaccination in the study subjects is not high (36.1%). Due to the subjects' concerns about post-vaccination reactions, family economic conditions and not knowing about the vaccine. There is a correlation between the factor of having parents who are health workers and the status of cervical cancer vaccination.

**Keywords:** Female students, vaccine, cervical cancer.

---

\*Corresponding author

**Email:** lehoaitu@tnmc.edu.vn **Phone:** (+84) 944874392 **DOI:** 10.52163/yhc.v67i2.4392

# THỰC TRẠNG TIÊM VẮC XIN PHÒNG UNG THƯ CỔ TỬ CUNG Ở HỌC SINH NỮ KHỐI THPT TẠI TRƯỜNG TIỂU HỌC, THCS VÀ THPT CHU VĂN AN PHƯỜNG TÔ HIỆU, TỈNH SƠN LA NĂM 2025 VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN

Lê Hoài Thu\*, Nguyễn Quỳnh Trang, Trần Duy Quang, Nguyễn Việt Quang, Trương Thị Thùy Dương

<sup>1</sup>Trường Đại học Y – Dược, Đại học Thái Nguyên -  
Số 284 Lương Ngọc Quyến, P. Phan Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Ngày nhận: 05/12/2025

Ngày sửa: 18/12/2025; Ngày đăng: 24/02/2026

## TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Mô tả thực trạng tiêm phòng ung thư cổ tử cung của học sinh nữ khối THPT tại trường Tiểu học, THCS và THPT Chu Văn An năm 2025 và một số yếu tố liên quan.

**Phương pháp nghiên cứu:** Thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang được tiến hành trên 108 học sinh nữ từ lớp 10-12 tại trường Tiểu học, THCS và THPT Chu Văn An năm 2025 được thu thập qua bộ câu hỏi soạn sẵn.

**Kết quả:** Tỷ lệ tiêm vắc xin phòng ung thư cổ tử cung là 36,1%; trong đó tỷ lệ đã tiêm đủ mũi là 25,9%. Lý do quyết định tiêm phòng phổ biến nhất là để phòng bệnh (76,9%). Lý do khiến đối tượng chưa tiêm phòng là lo ngại phản ứng sau tiêm (34,8%) và điều kiện kinh tế gia đình (30,4%). Có 23,2% chưa biết đến vắc xin phòng bệnh. Trong tương lai có 87% đối tượng sẵn sàng tiêm vắc xin phòng bệnh. Có mối liên quan giữa yếu tố gia đình có bố mẹ là nhân viên y tế với thực trạng tiêm vắc xin phòng ung thư cổ tử cung ( $p < 0,05$ ).

**Kết luận:** Tỷ lệ tiêm vắc xin phòng ung thư cổ tử cung ở đối tượng nghiên cứu chưa cao (36,1%). Do đối tượng lo ngại phản ứng sau tiêm, điều kiện kinh tế gia đình và chưa biết đến vắc xin phòng bệnh. Có mối liên quan giữa yếu tố gia đình có bố mẹ là nhân viên y tế với thực trạng tiêm vắc xin phòng ung thư cổ tử cung.

**Từ khóa:** Học sinh nữ, vắc xin, ung thư cổ tử cung.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ung thư cổ tử cung là một trong số 10 bệnh ung thư hàng đầu trên thế giới về số mắc và tử vong, và đứng hàng thứ 4 đối với nữ giới [1]. Theo báo cáo GLOBOCAL năm 2022, số ca mắc mới của bệnh là hơn 660.000 ca chiếm tỷ lệ 3,3%; tăng hơn so với năm 2020 là gần 60.000 ca và tỷ lệ tử vong cũng có xu hướng tăng lên [1,2]. Bệnh ngày càng phổ biến tuy nhiên có thể phòng bệnh và điều trị thành công nếu được phát hiện ở giai đoạn sớm.

Hiện nay đã có vắc xin để phòng bệnh ung thư cổ tử cung và bước đầu đã được người dân biết tới và tiếp cận. Đối tượng tiêm phòng hiện tại đã được mở rộng cả nam giới nhưng nữ giới vẫn là đối tượng được quan tâm hơn cả với bệnh này đặc biệt vắc xin sẽ phát huy hiệu quả tốt nhất ở nhóm đối tượng chưa có quan hệ tình dục. Tuy vậy qua một số thống kê cho thấy tỷ lệ tiêm chủng vẫn chưa cao. Tại Việt Nam một số nghiên cứu cho thấy tỷ lệ tiêm vắc xin phòng ung thư cổ tử cung ở đối tượng sinh viên nữ cho kết quả khoảng 29,2% [3]; 34,5% [4] đối tượng đã tiêm chủng, đặc biệt ở đối tượng học sinh THPT cho kết quả thấp hơn chỉ khoảng 5,3% [5] và 6,6% [6]. Điều này cho thấy mặc dù lợi ích của việc tiêm vắc xin rất lớn nhưng chưa nhiều đối tượng đã được tiếp cận vấn đề này. Vậy câu hỏi đặt

ra là: Thực trạng tiêm phòng ung thư cổ tử cung của học sinh bậc THPT tại Trường Tiểu học, THCS và THPT Chu Văn An phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La năm 2025 ra sao và đâu là yếu tố liên quan đến thực trạng đó? Để trả lời câu hỏi này, chúng tôi tiến hành đề tài với mục tiêu nghiên cứu: Mô tả thực trạng tiêm vắc xin phòng ung thư cổ tử cung ở học sinh nữ khối THPT ở trường TH, THCS và THPT Chu Văn An, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La năm 2025 và một số yếu tố liên quan.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

**2.1. Đối tượng nghiên cứu:** Học sinh nữ lớp 10 - 12 của trường TH, THCS và THPT Chu Văn An tại phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La đồng ý tham gia nghiên cứu và có mặt trong thời điểm khảo sát.

### 2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Nghiên cứu được triển khai tại TH, THCS, THPT Chu Văn An, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La từ tháng 1 năm 2025 đến tháng 12 năm 2025.

**2.3. Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

\*Tác giả liên hệ

Email: lehoaitu@tnmc.edu.vn Điện thoại: (+84) 944874392 DOI: 10.52163/yhc.v67i2.4392

**2.4. Cỡ mẫu và chọn mẫu nghiên cứu:** Chọn toàn bộ học sinh nữ từ lớp 10 đến lớp 12 của trường TH, THCS, và THPT Chu Văn An đủ điều kiện tham gia nghiên cứu. Chúng tôi thu được thực tế 108 mẫu đủ điều kiện trong quá trình nghiên cứu (trên tổng số 126 học sinh nữ từ lớp 10-12).

**2.5. Biến số nghiên cứu**

Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu: dân tộc, khối học, kinh tế gia đình.

Thực trạng tiêm vắc xin phòng ung thư cổ tử cung: thực trạng tiêm phòng chung (đã tiêm, đang tiêm), thực trạng tiêm phòng theo khối học, lý do tiêm phòng, lý do không tiêm phòng và sự sẵn sàng tiêm phòng trong tương lai.

Một số yếu tố liên quan đến thực trạng tiêm vắc xin phòng ung thư cổ tử cung: yếu tố gia đình, kiến thức và thái độ về phòng bệnh ung thư cổ tử cung.

**2.6. Phương pháp thu thập thông tin**

Kỹ thuật phỏng vấn gián tiếp được sử dụng với bộ câu hỏi nhóm nghiên cứu xây dựng. Sau đó hỏi đáp bằng bộ câu hỏi tự điền.

Công cụ thu thập số liệu: Bộ công cụ phỏng vấn bao gồm: thông tin chung, thực trạng tiêm vắc xin phòng ung thư cổ tử cung và một số yếu tố liên quan.

Tiêu chuẩn đánh giá kiến thức, thái độ về phòng bệnh ung thư cổ tử cung được đánh giá qua các câu hỏi. Đánh giá kiến thức bao gồm 10 câu hỏi. Phần thái độ bao gồm 6 câu hỏi đánh giá theo thang điểm Likert. Dùng hai mức: đạt và chưa đạt. Đối tượng đạt từ 70% tổng điểm trở lên thì được tính là đạt.

**2.7. Xử lý và phân tích số liệu**

Số liệu được thu thập sau đó nhập bằng phần mềm Epidata 3.0 và phân tích bằng phần mềm SPSS 22.0.

Sử dụng thuật toán thống kê y học cơ bản: đếm tần số sau đó tính tỉ lệ phần trăm, so sánh các tỉ lệ bằng test khi bình phương ( $\chi^2$ ), tính OR 95%CI, dùng test khi bình phương chính xác (Fisher exact test) với bảng có tần số nhỏ hơn 5.

**2.8. Đạo đức nghiên cứu**

Nghiên cứu đã được thông qua bởi Hội đồng Bảo vệ đề cương của Trường Đại học Y dược, Đại học Thái Nguyên trước khi được tiến hành. Trước khi tham gia các đối tượng đều đã được giải thích rõ ràng, cụ thể về mục đích và nội dung của nghiên cứu. Các đối tượng đều dựa trên tình thần tự nguyện khi tham gia vào nghiên cứu. Tất cả các thông tin thu được hoàn toàn được giữ bí mật. Số liệu sau khi thu thập chỉ dùng cho mục đích nghiên cứu mà không dùng cho mục đích nào khác.

**3. KẾT QUẢ**

**3.1. Thực trạng tiêm vắc xin phòng ung thư cổ tử cung của đối tượng nghiên cứu**

**Bảng 1. Đặc điểm về thực trạng tiêm vắc xin phòng ung thư cổ tử cung của đối tượng nghiên cứu**

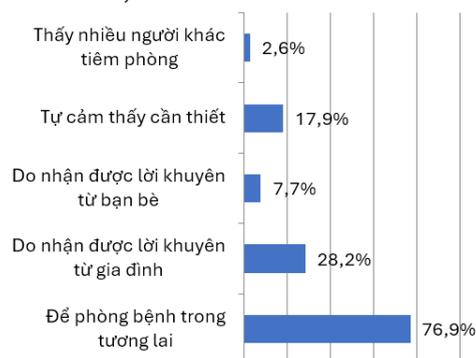
Đặc điểm tiêm phòng		Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Chưa tiêm		69	63,9
Đã tiêm	Đã tiêm đủ	28	25,9
	Đang tiêm	11	10,2
Tổng		108	100,0

Tỷ lệ đối tượng đã tiêm đủ các mũi vắc xin phòng ung thư cổ tử cung là 25,9% và có 10,2% đối tượng đang tiêm.

**Bảng 2. Đặc điểm tiêm vắc xin phòng ung thư cổ tử cung theo khối học**

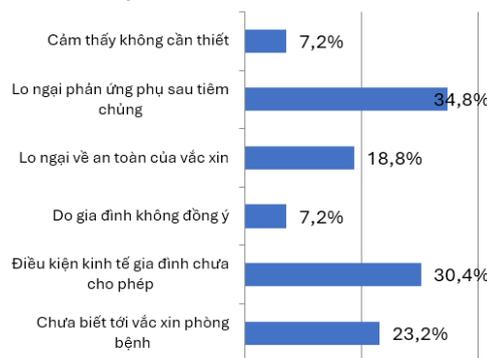
Khối học	Thực trạng tiêm phòng		Tổng
	Chưa tiêm (n,%)	Đã tiêm (n,%)	
Khối 10	24 (60,0)	16 (40,0)	40 (100,0)
Khối 11	20 (60,6)	13 (39,4)	33 (100,0)
Khối 12	25 (71,4)	10 (28,6)	35 (100,0)
Tổng	69 (63,9)	39 (36,1)	108 (100,0)

Về tỷ lệ tiêm phòng theo khối học, khối 10 có tỷ lệ tiêm cao nhất chiếm 40%, sau đó đến khối 11 (39,4%) và khối 12 thấp nhất là 28,6%.



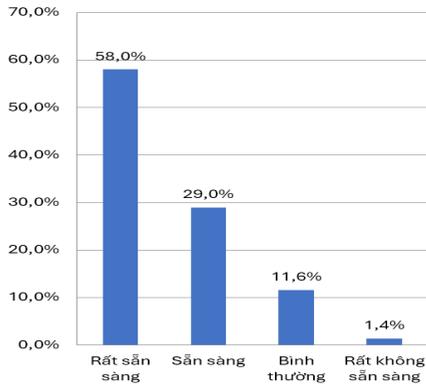
**Biểu đồ 1. Đặc điểm về lý do quyết định tiêm vắc xin phòng ung thư cổ tử cung (n=39)**

Biểu đồ trên cho thấy, lý do đối tượng quyết định tiêm phòng nhiều nhất là để phòng bệnh (76,9%); sau đó là lý do nhận được lời khuyên từ gia đình (28,2%), tỷ lệ đối tượng tự cảm thấy cần thiết là 17,9%.



**Biểu đồ 2. Đặc điểm lý do quyết định không tiêm vắc xin phòng ung thư cổ tử cung (n=69)**

Kết quả về lý do chưa tiêm phòng của đối tượng cho thấy, lý do chiếm tỷ lệ cao nhất là lo ngại phản ứng sau tiêm chủng (34,8%), sau đó là do điều kiện kinh tế gia đình (30,4%). Có 23,2% đối tượng chưa biết đến vắc xin phòng bệnh.



**Biểu đồ 3. Sự sẵn sàng tiêm vắc xin phòng ung thư cổ tử cung của đối tượng nghiên cứu trong tương lai (n=69)**

Biểu đồ cho thấy, trong tương lai nếu được tiêm phòng thì 58% đối tượng rất sẵn sàng, 29% đối tượng sẵn sàng tiêm phòng, 11,6% thấy bình thường và chỉ có 1,4% đối tượng rất không sẵn sàng.

**3.3. Một số yếu tố liên quan tới thực trạng tiêm vắc xin phòng ung thư cổ tử cung của đối tượng nghiên cứu**

**Bảng 3. Mối liên quan giữa yếu tố gia đình với thực trạng tiêm vắc xin phòng ung thư cổ tử cung**

Đặc điểm	Tiêm phòng ung thư cổ tử cung		OR (95%CI)	p
	Chưa tiêm (n,%)	Đã tiêm (n,%)		
<b>Bố/mẹ là nhân viên y tế</b>				
Không	63 (69,2)	28 (30,8)	4,1 (1,4-12,3)	< 0,05
Có	6 (35,3)	11 (64,7)		
<b>Kinh tế gia đình</b>				
Nghèo/cận nghèo	2 (66,7)	1 (33,3)	1,1 (0,1-12,9)	> 0,05
Không nghèo	67 (63,8)	38 (36,2)		

Bảng trên cho thấy, gia đình có bố mẹ là không phải nhân viên y tế thì khả năng đối tượng chưa tiêm vắc xin phòng ung thư cổ tử cung cao gấp 4,1 lần so với nhóm bố mẹ là nhân viên y tế, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê (p<0,05). Chưa thấy có mối liên quan giữa điều kiện kinh tế gia đình tới việc tiêm phòng.

**Bảng 4. Mối liên quan giữa kiến thức và thái độ với thực trạng tiêm vắc xin phòng ung thư cổ tử cung**

Đặc điểm	Tiêm phòng ung thư cổ tử cung		OR (95%CI)	p
	Chưa tiêm (n,%)	Đã tiêm (n,%)		
<b>Kiến thức</b>				
Chưa tốt	58 (65,9)	30 (34,1)	1,6 (0,6-4,2)	> 0,05
Tốt	11 (55,0)	9 (45,0)		
<b>Thái độ</b>				
Chưa tốt	6 (66,7)	3 (33,3)	1,1 (0,3-4,8)	> 0,05
Tốt	63 (63,6)	36 (36,4)		

Nhóm kiến thức và thái độ chưa tốt có khả năng chưa tiêm vắc xin cao gấp 1,6 và 1,1 lần so với nhóm kiến thức và thái độ tốt. Tuy nhiên sự khác biệt chưa có ý nghĩa thống kê với p>0,05.

**4. BÀN LUẬN**

**4.1. Thực trạng tiêm vắc xin phòng Ung thư cổ tử cung của học sinh Trường Tiểu học, THCS và THPT Chu Văn An phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La**

Nghiên cứu được tiến hành trên 108 học sinh nữ từ lớp 10-12 của trường Tiểu học, THCS và THPT Chu Văn An phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La. Kết quả cho thấy tỷ lệ đối tượng đã tiêm vắc xin phòng ung thư cổ tử cung là 36,1%, trong đó có 25,9% đối tượng đã tiêm đủ và 10,2% đang trong quá trình tiêm. Đây là lứa tuổi lý tưởng để tiêm vắc xin phòng ung thư cổ tử cung trước khi đối tượng bước vào giai đoạn sinh sản. Bước đầu tỷ lệ đã cho thấy một tín hiệu tích cực vắc xin đã được người dân tiếp cận và sử dụng. Kết quả này khá tương đồng với một số nghiên cứu trên đối tượng nữ sinh viên như nghiên cứu ở Trường Đại học Y dược, Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2022 cho tỷ lệ 34,5% [4], nghiên cứu khác tại Trường Đại học Y Hà Nội là 31,7% [7] hay nghiên cứu tại Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định cho kết quả 29,2% [3]. Tuy nhiên tỷ lệ này lại cao hơn kết quả của một số tác giả cùng làm trên nhóm đối tượng nữ học sinh THPT tại tỉnh Hậu Giang (5,3%) [5] và tỉnh An Giang (6,6%) [6]. Điều này cho thấy mặc dù vắc xin đã có từ lâu tại Việt Nam nhưng chưa được phổ biến rộng - đặc biệt ở lứa tuổi học sinh và cũng có thể có sự khác biệt vùng miền. Tuy vậy con số 36,1% vẫn còn thấp so với mục tiêu của tiêm chủng là tỷ lệ bao phủ vắc xin cao để có thể đạt miễn dịch cộng đồng. Do vậy vẫn cần thêm các chính sách hỗ trợ tiêm chủng, truyền thông giáo dục sức khỏe để đối tượng tiếp cận được và huy động cộng đồng tham gia đặc biệt tại các vùng miền núi và vùng sâu vùng xa.

Về tỷ lệ tiêm phòng theo khối học, khối 10 có tỷ lệ tiêm cao nhất chiếm 40%, sau đó đến khối 11 (39,4%) và khối 12 thấp nhất là 28,6%. Việc khối 10 có tỷ lệ tiêm cao nhất sau đó giảm dần đến khối 12 cũng phản ánh đúng thực tế. Các em lớp 12 đôi khi vì bận học, áp lực thi cử nên việc tiêm phòng không phải là ưu tiên hàng đầu. Tuy nhiên tỷ lệ tiêm thấp hơn cũng là điều đáng quan tâm bởi vì để đạt hiệu quả cao nhất các đối tượng nên tiêm càng sớm càng tốt nhất là trước khi có hoạt động tình dục. Vậy nên đây cũng là khối cần quan tâm nhất hiện tại để đẩy mạnh chương trình tiêm chủng đến phụ huynh và học sinh.

Khi khảo sát về lý do đối tượng quyết định tiêm phòng của đối tượng thì lý do chiếm nhiều nhất là để phòng bệnh (76,9%); điều này cũng rất hợp lý với tác dụng của việc tiêm vắc xin. Có thể thấy đối tượng đã có sự tìm hiểu và quyết định tiêm phòng. Đây cũng là lý do mà nhiều nghiên cứu nhắc tới nhất khi khảo sát về lý do tiêm vắc xin phòng ung thư cổ tử cung [4] [7]. Tiếp theo là lý do nhận được lời khuyên từ gia đình (28,2%). Gia đình là yếu tố rất quan trọng ảnh hưởng tới quyết định tiêm vắc xin của đối tượng do đây là đối tượng học sinh chưa tự chủ được tài chính và cũng chưa có nhiều kiến thức về phòng bệnh. Về lý do chưa tiêm phòng thì cũng có tới 30,4% là do điều kiện kinh tế gia đình lại càng khẳng định cho điều này. Theo một nghiên cứu tại Đại học Quốc gia Hà Nội thì chi phí cũng là lý do khiến nhiều đối tượng chưa tiêm phòng nhất (chiếm 56,7%) [8], nghiên cứu khác tại Đại học Y Hà Nội và Đại học Điều dưỡng Nam Định cũng cho kết quả tương

tự (70,4% và 50,0%) [7][3]. Và vẫn có tới 23,2% đối tượng chưa biết đến vắc xin phòng bệnh. Đây là con số không nhỏ ảnh hưởng đến tỷ lệ tiêm phòng chung. Do vậy chúng ta thấy còn rất nhiều rào cản ảnh hưởng đến quyết định tiêm phòng của đối tượng như chi phí, lợi ích của vắc xin, việc tiếp cận thông tin...đòi hỏi cần có sự can thiệp trong thời gian tới để tăng tỷ lệ tiêm phòng. Trong tương lai nếu được tiêm phòng thì 58% đối tượng rất sẵn sàng, 29% đối tượng sẵn sàng cho thấy nếu có cơ hội được tiếp cận thì tỷ lệ tiêm vắc xin phòng bệnh ung thư cổ tử cung sẽ được gia tăng.

#### 4.2. Một số yếu tố liên quan đến thực trạng tiêm vắc xin phòng ung thư cổ tử cung ở đối tượng nghiên cứu

Khi tìm hiểu về yếu tố liên quan đến thực trạng tiêm vắc xin phòng ung thư cổ tử cung thì nhóm nghiên cứu đã tìm ra gia đình có bố mẹ là nhân viên y tế là yếu tố liên quan chặt chẽ đến vấn đề này. Một nghiên cứu tại Trung Quốc cho thấy nếu bố mẹ (người chăm sóc) đã biết về vắc xin phòng ung thư cổ tử cung hoặc đã tiêm phòng cho bản thân thì tỷ lệ tiêm phòng cho con cao hơn rõ rệt [9]. Trong bối cảnh người thân trong gia đình làm y tế, khả năng là thông tin về vắc xin được cung cấp sớm, rõ ràng và đáng tin cậy. Điều này có thể làm giảm sự nghi ngờ, tâm lý lo sợ khi sử dụng vắc xin và tăng sự chấp nhận tiêm phòng.

Nghiên cứu cũng cho thấy, nhóm kiến thức và thái độ chưa tốt có khả năng chưa tiêm vắc xin cao gấp 1,6 và 1,1 lần so với nhóm kiến thức và thái độ tốt. Kiến thức và thái độ là những yếu tố liên quan đã được chỉ ra qua một số nghiên cứu mới nhất năm 2025 như nghiên cứu tại Đại học Y Hà Nội [10] hay nghiên cứu tại An Giang [6]. Tuy chưa tìm thấy sự khác biệt chưa có ý nghĩa thống kê ở trong nghiên cứu này nhưng ở đối tượng học sinh THPT thì điều này hoàn toàn hợp lý vì đối tượng này mọi quyết định vẫn còn phụ thuộc vào gia đình kể cả quyết định tiêm phòng. Vậy nên mặc dù kiến thức và thái độ ở nhóm đã tiêm phòng tốt hơn nhưng chưa thực sự là mối liên quan ở đây.

#### 5. KẾT LUẬN

Tỷ lệ tiêm vắc xin phòng ung thư cổ tử cung ở đối tượng nghiên cứu là 36,1%; trong đó tỷ lệ đã tiêm đủ mũi là 25,9%. Lý do quyết định tiêm phòng phổ biến nhất là để phòng bệnh (76,9%). Lý do khiến đối tượng chưa tiêm phòng là lo ngại phản ứng sau tiêm (34,8%) và điều kiện kinh tế gia đình (30,4%). Có 23,2% đối tượng chưa biết đến vắc xin phòng bệnh. Nếu được tiêm vắc xin phòng bệnh trong tương lai có 87% đối tượng sẵn sàng.

Có mối liên quan giữa yếu tố gia đình có bố mẹ là nhân viên y tế với thực trạng tiêm vắc xin phòng ung thư cổ tử cung ( $p < 0,05$ ).

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Freddie Bray, Mathieu Laversanne, Hyuna Sung, et al. Global cancer statistics 2022: GLOBOCAN estimates of worldwide incidence and mortality for 36 cancer types in 185 countries. CA: A Cancer Journal for Clinicians. 2024. 74, issue 3:229-263.  
 [2] Hyuna Sung, Jacques Ferlay, Rebecca L. Siegel, et al. Global cancer statistics 2020: GLOBOCAN

estimates of worldwide incidence and mortality for 36 cancer types in 185 countries. CA: A Cancer Journal for Clinicians. 2021. 71, issue 3:209-249.  
 [3] Trần Thị Linh, Trần Mạnh Hà, Nguyễn Đức Thanh. Thực trạng tiêm vắc-xin phòng Ung thư cổ tử cung của sinh viên nữ tại Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định năm 2024. Tạp chí Y dược Thái Bình. 2024. Tập 13, số 4:158-164. DOI: <https://doi.org/10.62685/tbjmp.2024.4.25>  
 [4] Vũ Ngọc Hà, Nguyễn Thành Trung, Nguyễn Dương Truyền, Nguyễn Quang Tâm, Vũ Thanh Hòa, Tuấn MĐ. Thực trạng tiêm vắc-xin phòng Ung thư cổ tử cung của nữ sinh viên Trường Đại học Y dược, Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2022. Tạp chí Y học Việt Nam. 2023. Số 2, tháng 10:68-72. DOI: <https://doi.org/10.51298/vmj.v531i2.7131>  
 [5] Lê Hữu Diễm Trinh, Nguyễn Thuý Anh, Võ Trí Nam, Nguyễn Hoàng Nhi, Trần Tú Nguyệt. Thực hành và các yếu tố liên quan đến việc tiêm ngừa vắc xin HPV ở học sinh Trung học phổ thông Long Mỹ tại Thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang năm 2023. Tạp chí Y dược học Cần Thơ. 2024. Số 72:54-60. DOI: [10.58490/ctump.2024i72.2395](https://doi.org/10.58490/ctump.2024i72.2395)  
 [6] Phan Đỗ Thuý Vy, Bùi Quốc An, Nguyễn Mỹ Hiền, et al. Tình hình tiêm ngừa vaccine HPV và một số yếu tố liên quan của học sinh nữ phổ thông tại huyện Châu Thành, tỉnh An Giang năm 2024. Tạp chí Y dược học Cần Thơ. 2025. Số 87:53-58. DOI: [10.58490/ctump.2025i87.3307](https://doi.org/10.58490/ctump.2025i87.3307)  
 [7] Đào Thị Thu Hà, Hoàng Lan Trinh, Nguyễn Lê Quỳnh Thư, Trần Ngọc Kiều, Trần Thị Cẩm Ly, Lê Xuân Hưng. Thực trạng nhận thức, tiêm phòng và một số yếu tố liên quan đến quyết định tiêm vắc-xin HPV của sinh viên Trường Đại học Y Hà Nội năm 2023. Tạp chí Y học cộng đồng. 2025. Số 66:109-115. DOI: <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD4.2336>  
 [8] Ngô Thị Tâm, Nguyễn Thị Quỳnh, Ngô Lan Anh, Nguyễn Thị Phương Lan. Thực hành tiêm phòng HPV của sinh viên khoa Dược Trường Đại học Y Dược - Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2023 và một số yếu tố liên quan. Tạp chí Y học cộng đồng. 2024. Số 65:224-231. DOI: <https://doi.org/10.52163/yhc.v65iCD7.1330>  
 [9] Hong Xie, Han-Yue Zhu, Ni-Jie Jiang, Ya-Nan Yin. Awareness of HPV and HPV vaccines, acceptance to vaccination and its influence factors among parents of adolescents 9 to 18 years of age in China: A cross-sectional study. J Pediatr Nurs. 2023. Jul-Aug:71:73-78. DOI: [10.1016/j.pedn.2023.03.007](https://doi.org/10.1016/j.pedn.2023.03.007)  
 [10] Nguyễn Hữu Thắng, Nguyễn Bích Ngọc, Hoàng Huyền Vy, et al. Kiến thức, thực hành tiêm vắc-xin ngừa HPV ở người trưởng thành 18-45 tuổi tại Phòng Tiêm chủng cơ sở 2, Trường Đại học Y Hà Nội năm 2024. Tạp chí Y học cộng đồng. 2025. Số 66:262-268. DOI: <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD5.2481>